

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NẬM NHÙN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Đồng Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Phan Văn Thóc

2. Bà: Lò Thị Doanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà: Thào Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn** tham gia phiên tòa:
Ông: Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình và đình thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/03/2024 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lý Lão T - Sinh năm 1996

Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu. (Có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Chị Tần San M - Sinh năm 1999

Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt không có lý do chính đáng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/03/2024, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lý Lão T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tần San M đăng ký kết hôn ngày 07/06/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa anh và chị M trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh và chị M chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, chị M không chăm lo cho

gia đình, bỏ bê việc nhà, không chăm lo cho con cái.

Anh **T** nhận thấy tình cảm giữa anh và chị **M** không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu giải quyết cho anh được ly hôn với chị **Tần San M**.

Về con chung: Anh và chị **Tần San M** có 02 (hai) con chung là cháu **Lý Văn T1**, sinh ngày 04/02/2017 và cháu **Lý Triệu V**, sinh ngày 07/5/2020. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị **M** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng và nợ chung: Anh **Lý Lão T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị **Tần San M**: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho chị **Tần San M**: như Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị **M** đã từ chối, né tránh không nhận và không ký vào các biên bản của Tòa án mà không có lý do, không đến Toà án để giải quyết việc ly hôn, nên Toà án không thể tiến hành lấy lời khai và hoà giải được hai bên. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử tổng đạt cho chị **Tần San M** nhưng chị **M** vẫn từ chối nhận và không ký vào các biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án mà không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh và lập biên bản về việc chị **M** cố tình từ chối nhận và không ký vào các biên bản giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án mà không có lý do chính đáng và chị **Tần San M** cũng không có văn bản trả lời về việc anh **Lý Lão T** có đơn xin ly hôn và việc nuôi con khi ly hôn. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh **Lý Lão T** vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **Tần San M** và giải quyết quan hệ con chung theo nội dung đơn xin ly hôn của anh đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị **Tần San M** không tuân thủ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nhằm trốn tránh nghĩa vụ tại phiên họp và phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35; 39; Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81,

Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh **Lý Lão T** và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lý Lão T** được ly hôn với chị **Tần San M**.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu **Lý Văn T1**, sinh ngày 04/02/2017 và cháu **Lý Triệu V**, sinh ngày 07/05/2020 cho anh **Lý Lão T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Lý L** Tả không yêu cầu chị **Tần San M** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh **Lý L** Tả không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn anh **Lý Lão T** được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Tần San M** có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại **bản N, xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu;

Việc chị **Tần San M** đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn và con chung nhưng chị **M** cố tình vắng mặt không có lý do. Anh **Lý Lão T** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập vẫn bản tố tụng tuy nhiên chị **M** vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay chị **M** tiếp tục vắng mặt không có lý do, đây là lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị **Tần San M**.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của anh **Lý Lão T**, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lý Lão T** và chị **Tần San M** tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/06/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Anh **Lý Lão T** và chị **Tần San M** có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản bản Nậm Táng, xã H, huyện N, tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên

khi tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án thì chị **M** từ chối, né tránh không nhận văn bản tố tụng của Tòa án mà không có lý do, nên Tòa án không tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng được.

Về mâu thuẫn vợ chồng thì quá trình chung sống tại địa phương, anh **T** và chị **M** có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, chị **M** không chăm lo cho gia đình, bỏ bê con cái, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **N** cũng đã xác định quá trình chung sống giữa anh **T** và chị **M** xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau, trưởng bản cùng gia đình hai bên tiến hành hoà giải nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **T** và chị **M** xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của anh **T** được ly hôn với chị **M** là có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh **Lý Lão T** và chị **Tần San M** có 02 (hai) con chung là cháu **Lý Văn T1**, sinh ngày 04/02/2017 và cháu **Lý Triệu V**, sinh ngày 07/5/2020. Anh **T** có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung **Lý Văn T1** và **Lý Triệu V** cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy anh **T** nay là lao động tự do, thu nhập ổn định khoảng 3.000.000 đồng/01 tháng. Tại biên bản lấy ý kiến của con chung ngày 08/04/2024 cháu **Lý Văn T1** có nguyện vọng được ở cùng với bố. Trong quá trình giải quyết vụ án chị **M** mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến tòa án để trình bày ý kiến cũng phần nào thể hiện sự thiếu trách nhiệm của người mẹ đối với các con khi quan hệ hôn nhân giữa chị và anh **T** đang được Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của các con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao các con chung cho anh **Lý Lão T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Lý Lão T** không yêu cầu chị **Tần San M** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh **Lý L** Tả không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Anh **Lý Lão T** có đơn xin miễn án phí và tại phiên tòa anh **T** xin Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, xét đề nghị của nguyên đơn là có cơ sở vì anh **T** là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh **Lý Lão T.**

Do vậy, quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lý Lão T** được ly hôn với chị **Tần San M.**

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu **Lý Văn T1**, sinh ngày 04/02/2017 và cháu **Lý Triệu V**, sinh ngày 07/05/2020 cho anh **Lý Lão T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị **Tần San M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Lý L** Tả không yêu cầu chị **Tần San M** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh **Lý L** Tả không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn anh **Lý Lão T.** Trả lại cho anh **Lý Lão T** số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000465 ngày 18/3/2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn;
- Chi cục thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn;
- UBND xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

